

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 29-3-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Và Dưỡng

Bà Nguyễn Thị Liệu

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh **Vòng A T-** sinh năm 1979

HKTT: Số nhà 53, phố 4, ấp 2 xã Phú Lợi, huyện Định Quán, Đồng Nai.

Chỗ ở: Số nhà 68 phố 9, ấp 5, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, Đồng Nai.

(Anh Tài là người dân tộc Hoa nhưng nói và nghe rõ tiếng Việt, không yêu cầu phiên dịch).

-Bị đơn: Chị **Ngô Thị D-** sinh năm 1986

HKTT: Số nhà 53, phố 4, ấp 2 xã Phú Lợi, huyện Định Quán, Đồng Nai.

Chỗ ở: Số 87, khu 2, ấp 5, xã Phú Tân, huyện Định Quán, Đồng Nai.

Người giám hộ của chị Dung: Ông **Ngô Văn L-** sinh năm 1960

HKTT: Số 87, khu 2, ấp 5, xã Phú Tân, huyện Định Quán, Đồng Nai.

-Những người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch Việt- Tây: Anh **Nông Văn T-** sinh năm 1975

HKTT: Ấp 5, xã Phú Tân, huyện Định Quán, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Vòng A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, đến năm 2004 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lợi và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/2004. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là lần đầu anh kết hôn.

Quá trình chung sống cho đến năm 2007 chị D bị bệnh suy nhược thần kinh và ngày càng trở nặng. Đến năm 2010 anh đưa chị D đi khám tại bệnh viện tâm thần trung ương 2 thì được kết luận là “Rối loạn trương lực cơ”. Sau đó Viện pháp y tâm thần trung ương II- Phân viện phía Nam có kết luận số 240/PYTT-PVPN ngày 10/7/2014 đối với chị D là “Về y học: Đang sự bị bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid; về pháp luật: Đang sự không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi (mất năng lực hành vi dân sự)”. Trên cơ sở đó ngày 31/7/2014 Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2014/VDT-ST nội dung tuyên bố chị Ngô Thị D bị mất năng lực hành vi dân sự. Trong 11 năm qua do chị D bị bệnh nên đời sống chung của vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt, cuộc sống gia đình đã không còn hạnh phúc nên mục đích của hôn nhân đã không đạt được. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về việc ông Lộc là người giám hộ của chị D yêu cầu anh cấp dưỡng 1 lần cho chị Dung với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì anh đồng ý cấp dưỡng cho chị D số tiền này. Hai bên đã giao nhận xong số tiền cấp dưỡng nêu trên vào ngày 29 tháng 3 năm 2018 nhưng anh đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án quyết định của Tòa án đối với sự thỏa thuận giữa anh và ông L về vấn đề cấp dưỡng nêu trên.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Vòng Phi Yến- sinh ngày 10/02/2003 và Vòng Phi Long- sinh ngày 15/8/2004 hiện nay đang ở với anh và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2018, bản tự khai ngày 02/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người giám hộ của chị Ngô Thị D là ông Ngô Văn L trình bày:

Ông và bà Nông Thị Phan là vợ chồng. Bà Phan có họ tên đầy đủ là Nông Thị Phan- sinh năm 1956. Ông và bà Phan là bố mẹ đẻ của chị Ngô Thị D. Bà Phan và ông có hộ khẩu thường trú tại số 87, khu 2, ấp 5, xã Phú Tân, huyện Định Quán, Đồng

Nai. Chị D có hộ khẩu thường trú cùng với anh Vòng A T. Do bà Nông Thị Phan bị điếc bẩm sinh cả hai tai không nghe được gì cả nên không thể đến Tòa án làm việc và cũng không thể làm người giám hộ cho chị D nên chỉ có ông là người giám hộ của chị D. Chị D hiện bị bệnh tâm thần không nhận thức làm chủ được hành vi của mình. Viện pháp y tâm thần trung ương 2- Phân viện phía Nam kết luận là bị bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid, không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi (mất năng lực hành vi dân sự). Chị D đã bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán tuyên bố bị mất năng lực hành vi dân sự nên không thể tham gia tố tụng được.

Về cuộc sống hôn nhân của chị D và anh T: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được phép của cha mẹ gia đình 2 bên đã tổ chức đám cưới vào năm 2002 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị D về nhà cha mẹ chồng ở xã Phú Lợi. Sau khi sinh đứa con thứ hai được 08 tháng thì chị Dung đã có triệu chứng hay đau đầu nhưng vẫn còn tỉnh táo, bình thường và vẫn đi làm rẫy cùng anh T ở huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đi hái cà phê trong rẫy của gia đình. Chị D có đi khám nhưng bác sĩ chỉ nói là bị rối loạn tiền đình. Đến mấy năm sau chị D trở nên suy nhược cơ thể, hay đi lang thang ngoài đường, cười nói vu vơ và không kiểm soát được bản thân. Mỗi khi lên con gia đình phải cho chị D ở một căn nhà riêng vì chị D nói lảm nhảm cả đêm không cho ai ngủ, cắn xé người thân trong gia đình. Khi tỉnh táo thì vẫn biết nói chuyện, vẫn biết đói bụng tìm đồ ăn. Vào năm 2007 ông thấy chị D như vậy đã đón về nhà để chăm sóc cho đến nay đã được 10 năm tròn. Trong thời gian 10 năm qua chị D chỉ sống nương nhờ vào gia đình bố mẹ đẻ, anh chị em ruột và trợ cấp hàng tháng của nhà nước là 450.000 đồng/tháng từ năm 2011 đến nay. Còn anh T thì nuôi 2 đứa con nhỏ nhưng anh T cũng không phụ cấp gì cho chị Dung cả. Trong quá trình chung sống anh T và chị D cũng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng họ cũng hay cãi vã xô xát nhau và không có hạnh phúc.

Nay anh T xin ly hôn với chị D thì ông cũng đồng ý cho anh T được ly hôn với chị D và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh T được ly hôn với chị D theo quy định của pháp luật. Nhưng ông cũng yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần cho chị D số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để chị D uống thuốc hàng tháng theo toa và ăn uống sinh hoạt hàng ngày vì chị D không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, hơn nữa gia đình ông là người dân tộc thiểu số, ở vùng sâu vùng xa hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn. Nay anh T đồng ý cấp dưỡng cho chị D 1 lần số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì ông đồng ý và ông đã nhận đủ tiền vào ngày 29/3/2018 nên ông cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là Vòng Phi Yên- sinh ngày 10/02/2003 và Vòng Phi Long- sinh ngày 15/8/2004. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý với yêu cầu của anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn và người giám hộ của bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp nhưng hôn nhân không còn hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình thì mục đích hôn nhân của vợ chồng chị D và anh T đã không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T cho anh T được ly hôn với chị D. Về con chung căn cứ Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Tài, giao 02 con chung là Vòng Phi Yên- sinh ngày 10/02/2003 và Vòng Phi Long- sinh ngày 15/8/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị D, anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

Về việc anh T tự nguyện cấp dưỡng 01 lần cho chị D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Các bên đã thỏa thuận với nhau và giao nhận xong số tiền trên. Anh T yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Vì vậy về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật về ly hôn và án phí về cấp dưỡng. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị D bị mất năng lực hành vi dân sự phải có người giám hộ là ông Ngô Văn L đại diện hợp pháp tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vòng A T và chị Ngô Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lợi và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn này 03/02/2004. Như vậy hôn nhân của anh T và chị D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân của anh T chị D đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở. Mặt khác chị D đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên trong suốt quá trình tố tụng của vụ án Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Anh T vẫn giữ nguyên yêu

cầu khởi kiện xin ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Cho anh T được ly hôn với chị D.

[3] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho chị D 1 lần số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Anh T và ông Lộc đã giao nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 29/3/2018. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Anh Vòng A T và chị Ngô Thị D có 02 con chung là Vòng Phi Yến- sinh ngày 10/02/2003 và Vòng Phi Long- sinh ngày 15/8/2004. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng nuôi con.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét thấy con chung chưa thành niên của anh T chị D đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Anh T có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng và không vi phạm pháp luật. Xét yêu cầu về nuôi con của anh T là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Nguyên vọng của các con cũng muốn được ở với bố. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của anh T về nuôi con, giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68, khoản 4 Điều 69, Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 39, 53 BLDS, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Về hôn nhân: Cho anh Vòng A T được ly hôn với chị Ngô Thị D.

2)- Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh Vòng A T tự nguyện cấp dưỡng cho chị Ngô Thị Dg 1 lần số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Anh T và ông L đã giao nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 29/3/2018.

3)- Về con chung: Giao 02 con chung là Vòng Phi Yến- sinh ngày 10/02/2003 và Vòng Phi Long- sinh ngày 15/8/2004 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho chị D nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4) Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5) Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

6) Về án phí: Anh Vòng A T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Tài đã nộp ngày 03/01/2018 theo biên lai số 004615 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Anh T còn phải nộp tiếp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, người giám hộ của bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người giám hộ của bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS H. Định Quán;
- UBND xã Phú Lợi, H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA